

# Biện pháp đổi mới thực tập nghề nghiệp trong đào tạo cho sinh viên Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn

Trịnh Xuân Thu\*

\*TS. Trường ĐH Sài Gòn

Received: 2/6/2024; Accepted: 14/6/2024; Published: 22/6/2024

**Abstract:** Training activities in universities always combine theory with practice through professional internships to contribute to improving quality and meeting social requirements. Saigon University currently offers multi-disciplinary and multi-field training, including Educational Management and Psychology under the Faculty of Education. Innovating the vocational internship mechanism for students in these majors is urgent in the current period. To innovate vocational training, it is basically necessary to clearly define the training objectives of the profession (or output standards) as a basis for innovation. The article briefly analyzes how to determine the output standards or professional competencies of university students from the perspective of analyzing the profession according to Competency as a basis for proposing content innovations professional internship for students of the Faculty of Education.

**Keywords:** Professional standards; job; DACUM; porch implementation capacity; mission; job position.

## 1. Mở đầu

Trong các trường đại học (ĐH), hoạt động đào tạo luôn gắn liền lý thuyết với thực tiễn thông qua thực tập nghề nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trường ĐH Sài Gòn hiện nay đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có ngành Quản lý Giáo dục và Tâm lý học thuộc khoa Giáo dục, việc đổi mới thực tập nghề nghiệp (TTNN) cho SV các ngành này mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Để đổi mới TTNN về cơ bản cần phải xác định rõ mục tiêu đào tạo của ngành nghề (chuẩn đầu ra) làm cơ sở đổi mới.

Bài viết phân tích tóm tắt cách xác định chuẩn đầu ra (CDR) hay năng lực (NL) nghề nghiệp của SV ĐH dưới góc độ phân tích nghề theo Năng lực thực hiện (Competency) làm cơ sở đề xuất đổi mới về nội dung thực tập nghề nghiệp cho sinh viên khoa Giáo dục. Ưu thế của tiếp cận theo NLTH là chú trọng vào kết quả / đầu ra (Outcomes) của quá trình hoạt động, đang là xu hướng hiện nay trên thế giới.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát vấn đề nghiên cứu

#### 2.1.1. Phân tích nghề theo DACUM

Theo Dacum Handbook, DACUM: là chữ viết tắt của Developing A Curriculum hoặc Develop A Curriculum (tạm dịch phát triển một chương trình đào tạo), là:

Một phương pháp để phân tích nghề; Bước đầu tiên trong việc biên soạn một chương trình đào tạo (CTĐT)

ngành, nghề hoặc cập nhật một chương trình có sẵn; Dacum còn được sử dụng để: Trắc nghiệm kỹ năng; Mô tả nghề; Đánh giá chất lượng và quản lý – TQM (Total Quality Management), ISO 9000 and QS 9000 (hệ thống quản lý chất lượng chuyên sâu)... Khi so sánh với các phương pháp phân tích nghề khác thì: Hiệu quả hơn; Nhanh chóng hơn; Giá thành rẻ hơn. Được phát triển mạnh ở Canada, Mỹ...

Triết lý của DACUM là:

Chỉ những người làm nghề có thể mô tả nghề của họ chính xác hơn bất kỳ ai khác.

Cách hữu hiệu để định nghĩa một nghề là chính những người làm nghề đó mô tả những công việc mà họ đang làm.

Mọi công việc đều đòi hỏi những kiến thức, kỹ năng, dụng cụ và thái độ nhất định để có thể thực hiện được.

Sản phẩm của Hội thảo DACUM là bảng ma trận Nghề gồm Nhiệm vụ - Công việc hay còn gọi là Biểu đồ DACUM, (Robert E. Norton, 1997).

Phân biệt năng lực nghề nghiệp

Khi nói đến NL trong tiếng Việt, từ NL rất gần nghĩa với một số từ khác như *tiềm năng*, *khả năng*, *kỹ năng*, *tài năng*, thậm chí còn có nét nghĩa gần với *năng khiếu*... Theo Từ điển Tiếng Việt, *tiềm năng* là “khả năng, NL tiềm tàng” nghĩa là khả năng ở trạng thái tiềm tàng, ẩn giấu bên trong, chưa bộc lộ ra, chưa phải là hiện thực (Hoàng Phê, 1997). Như vậy xét về nội hàm có sự khác nhau dưới góc độ tiếp cận

theo NLTH (competency), được hiểu là làm được; hiểu theo hành động là thực hiện và đạt kết quả (outcomes) chính là các kỹ năng hay công việc của nghề nghiệp. Kết quả này có thể xác định bằng phương pháp phân tích nghề, (Robert E. Norton, 1997).

Dưới góc độ giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT), thì: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chức sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” & CTGDPT hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cốt lõi, (BGDDT, 2018a); Thể hiện qua các thành phần là năng lực và phẩm chất hay Yêu cầu cần đạt trong môn học.

Theo Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. (Ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), thì Năng lực là khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ của giáo viên; được thể hiện trong 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí. Theo khoản 4, điều 2: “Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông”, (BGDDT, 2018b).

Dưới góc độ đào tạo nghề thì năng lực thể hiện qua vị trí việc làm là Nhiệm vụ - Công việc trên biểu đồ DACUM. Theo thông tư Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục. (Ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT, ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Điều 4 nói đến Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, (BGDDT, 2023).

Như vậy dù cách trình bày quan niệm về NL khác nhau do đứng từ các góc độ tiếp cận vấn đề, nhưng có thể thấy những điểm chung trong các định nghĩa trên, đó là: năng lực có thể hiểu là việc thực hiện thành công một hoạt động nhất định và đạt kết quả mong muốn; NL được thể hiện trong biểu đồ phân tích nghề (ma trận Nhiệm vụ - Công việc) hay thể hiện qua bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm, hoặc thể hiện trong quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Phân tích Nhiệm vụ và Công việc của nghề giáo viên Công nghệ THCS

Tháng 3 năm 2010 trường Đại học Sài Gòn đã tổ

chức Hội thảo phân tích nghề Giáo viên công nghệ Công nghiệp Trung học cơ sở (GVCN-THCS) theo phương pháp DACUM, kết quả Hội thảo là một bảng ma trận với 13 nhiệm vụ - 137 công việc, (Trịnh Xuân Thu, 2010).

Biểu đồ DACUM

Table with columns: ĐẶC ĐIỂM GIÁO VIÊN CÔNG NGHIỆP, THỰC HÀNH CHUYÊN MÔN, NỘI QUẢN TÀI KẾ HUẾ, MÔ QUẢN TÀI KẾ HUẾ, and THỜI GIAN THỰC HIỆN. Includes a list of names and titles of the committee members.

Table with columns: NHIỆM VỤ and CÔNG VIỆC. A grid showing specific tasks and activities for the profession.

2.2. Một số biện pháp đề xuất đổi mới thực tập nghề nghiệp cho sinh viên khoa Giáo dục

Trong hội thảo khoa học của khoa Giáo dục, trường Đại học Sài Gòn ngày 12/6/2024 về “Đổi mới thực tập nghề nghiệp cho sinh viên các ngành Quản lý giáo dục và Tâm lý học” mục đích của hội thảo nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp:

2.2.1. Nâng cao nhận thức của giảng viên và nhà tuyển dụng về tầm quan trọng của đổi mới thực tập nghề nghiệp trong đào tạo cho sinh viên khoa Giáo dục để đáp ứng với yêu cầu của xã hội bằng nhiều hình thức.

2.2.2. Đổi mới chương trình trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, cụ thể:

Xác định chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo

theo *nhiệm vụ - công việc* trong biểu đồ DACUM hay bảng phân tích vị trí việc làm của ngành giáo dục, hoặc quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Đồng thời phải có sự góp ý của các nhà tuyển dụng và cơ sở sử dụng để CTĐT đáp ứng với yêu cầu xã hội.

Từ các chuẩn đầu ra của các ngành nghề, là cơ sở để phát triển CTĐT của ngành nghề hoặc để điều chỉnh CTĐT đã có.

Xác định các kiến thức, kỹ năng mà người học cần có trên cơ sở các công việc của ma trận nhiệm vụ - công việc, từ đó xây dựng các học phần kiến thức và học phần thực hành nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu người học.

Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá kết quả công việc.

Việc xây dựng các chương trình đào tạo sinh viên ngành Quản lý Giáo dục, trước tên gọi các học phần cần bỏ bớt các từ “Quản lý” để người đọc và nhà tuyển dụng có thể thấy rõ những công việc mà chuyên viên QLGD có thể làm được sau khi tốt nghiệp có đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

### 2.2.3. *Đổi mới hình thức thực tập*

Khoa Giáo dục trường Đại học Sài Gòn có hai chuyên ngành đi thực tập nghề nghiệp là Quản lý giáo dục và Tâm lý học với vai trò chuyên viên tham vấn học đường ở các trường phổ thông, đề xuất một số ý kiến:

+ Nghiên cứu tổ chức nhiều đợt thực tế lần thực tập trải đều thay vì chỉ tập trung vào năm cuối; cần quan tâm đến sự bất tiện của các đơn vị thực tập khi phải đón tiếp đoàn thực tập nhiều lần trong năm.

+ Tạo thuận lợi cho sinh viên được chủ động liên hệ địa chỉ thực tập thay vì chỉ do nhà trường sắp xếp.

+ Chọn thời điểm thực tập phù hợp với các trường phổ thông như tháng 11-12, hoặc tháng 1-3 vì sau thời gian này các trường rất bận các công tác chuyên môn khác.

+ Về cơ sở tiếp nhận thực tập nên chọn các cơ sở giáo dục đã được chứng nhận đạt chuẩn; có thể ký hợp đồng liên kết dài hạn với các cơ sở thường xuyên thực tập.

+ Về chủ thể đánh giá: nếu SV tự liên hệ thì nên do cơ sở giáo dục đánh giá, nếu theo đoàn thì nên kết hợp để GV dẫn đoàn đánh giá cùng với nơi tiếp nhận thực tập đánh giá.

+ Cần có Tài liệu hướng dẫn thực tập, các tiêu chuẩn đánh giá..., nên biên soạn như Sổ tay thực tập.

### 3. Kết luận

Muốn đổi mới thực tập nghề nghiệp cho SV khoa Giáo dục thì cần thiết phải đổi mới từ hình thức và nội dung thực tập; về nội dung học phần thực tập cần xác định dựa trên cơ sở phân tích nghề để định rõ chuẩn đầu ra theo nhiệm vụ - công việc.

Xác định Mục tiêu đào tạo và các chuẩn đầu ra của ngành nghề theo NLTH, dựa trên các nhiệm vụ - công việc.

Xây dựng bảng ma trận Nghề (Nhiệm vụ - Công việc) thường xuyên cập nhật mới nhất, có thể dùng nhiều phương pháp phân tích nghề trong đó có thể kế thừa việc kê khai vị trí việc làm của cán bộ công chức hiện nay đã thực hiện, hoặc các quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông do BGDĐT ban hành.

Phát triển CTĐT của các ngành nghề hoặc bổ sung chỉnh lý CTĐT theo các chuẩn đầu ra của ngành từ bảng ma trận Nhiệm vụ - Công việc;

Chỉnh lý CTĐT thực tập nghề nghiệp của SV đáp ứng yêu cầu xã hội theo nhiệm vụ - công việc.

Xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá công việc.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2018a). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông*, Chương trình tổng thể Hà Nội

2. Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2018b). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 về Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*. Hà Nội

3. Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2023). *Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT, ngày 09/8/2023*

*Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giáo dục*. Hà Nội

4. Hoàng Phê (chủ biên). (1997). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.

5. Robert E. Norton. (1997). *Dacum Handbook*, Center on Education and Training for

Employment College of Education The Ohio State University 1900 Kenny Road Columbus, Ohio 43210 Second Edition.

6. Trịnh Xuân Thu. (2010). *Phân tích nghề theo phương pháp DACUM cơ sở để phát triển chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo năng lực thực hiện*. Tạp chí Đại học Sài Gòn, (3), Tr.49-55.

7. Trịnh Xuân Thu. (2011). *Đổi mới chương trình đào tạo giáo viên công nghệ theo năng lực thực hiện*. Tạp chí Giáo dục, (254), Tr.19-21.